TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 332/2018/DS-ST
Ngày: 18/7/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Mạnh Tường

2. Bà Phan Thị M Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Trần N Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 268/2016/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2016 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2018/QĐXXST - DS ngày 07 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị Tuyết M, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 29 đường P, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Khánh L, sinh năm 1983 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Giấy ủy quyền được Văn phòng Công chứng Sông Hàn công chứng số 9647 ngày 07/11/2016. (có mặt)

Địa chỉ: Đường C, phường P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1970

Địa chỉ: Đường Y, Khu phố Z, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1983 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Theo Giấy ủy quyền được Văn phòng Công chứng Gia định công chứng số 008491 ngày 15 tháng 6 năm 2017. (có mặt)

Địa chỉ: Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Q

Trụ sở: Đường T, phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Khánh L, sinh năm 1983 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Theo Giấy ủy quyền số 01/2018/UQ-QĐ ngày 16/5/2018 (có mặt)

Địa chỉ: Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của bà Dương Thị Tuyết M cùng các lời khai tiếp theo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì nội dung vụ án như sau:

Bà Dương Thị Tuyết M yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích N có trách nhiệm thanh toán cho bà M số tiền còn nợ là 446.000.000 đồng theo giấy xác nhận ngày 15/12/2014 của bà Nguyễn Thị Bích N.

Trong số tiền trên có 203.000.000 đồng là tiền bà N vay của bà M để chi tiêu trong gia đình, khi vay thì không làm giấy vay tiền. Số tiền còn lại là 243.207.000đồng được làm tròn thành 243.000.000đồng là khoản tiền bà N còn nợ khi bà nhận chuyển nhượng phần vốn trong cửa hàng Đ (không đăng ký kinh doanh) của bà M.

Về nguồn gốc số tiền nợ 243.207.000đồng, ngày 14/12/2014, bà M và bà N thống nhất bà N sẽ mua lại toàn bộ phần vốn của cửa hàng Đ là 1.043.207.000 đồng. Cũng trong năm 2014 bà N nhận thi công công trình Tượng đài Bác Hồ tại Bệnh viện 199 – Bộ Công an, thành phố Đà Nẵng. Tổng số tiền thi công là 800.000.000 đồng. Do nhà thầu chậm thanh toán cho bà N nên bà M đã khấu trừ số tiền 800.000.000 đồng cho bà N. Vì vậy, ngày 15/12/2014 hai bên đã chốt lại số nợ, bà N còn nợ bà M số tiền 446.000.000 đồng trong đó có 243.207.000đồng.

Ngày 12/6/2016 bà M đã đến gặp bà N để yêu cầu thanh toán số nợ trên và hai bên đã xảy ra xô xát, sự việc được công an phường Hiệp Bình Chánh lập biên bản. Ngày 13/6/2016 và ngày 16/8/2016 bà M cũng đã gửi thông báo đòi nợ cho bà N, tuy nhiên cho đến nay bà N vẫn chưa thanh toán số nợ trên cho bà M. Bà M xác định chỉ yêu cầu bà N thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho bà.

Việc người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng bà N đã trả cho bà M số tiền 446.000.000 đồng là không đúng vì bà M chưa nhận tiền từ bà N.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Trình trình bày:

Bị đơn thừa nhận bà N có ký trên Giấy chốt nợ ngày 15/12/2014 và xác nhận có nợ bà M số tiền 446.000.000 đồng. Tuy nhiên bà N đã trả đủ số tiền trên cho bà M thông qua Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/2015/HĐ ngày 11/02/2015 giữa Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Xuất nhập khẩu C và Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đ. Vì cửa hàng Đ thuộc sở hữu của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đ nên khi bà M chuyển nhượng cửa hàng nhôm cho bà N việc thanh toán số tiền chuyển nhượng này được thực hiện thông qua hợp đồng mua bán số 01/2015/HĐ ngày 11/02/2015 giữa Công ty TNHH Xây dựng thương mại Xuất nhập khẩu C và Công ty TNHH Xây Dựng Thương mại Đ. Số tiền thực tế thanh toán của hợp đồng này là 419.362.091 đồng. (Có hóa đơn GTGT, giấy báo chuyển tiền, sổ kế toán chi tiết, biên bản thanh lý hợp đồng kèm theo). Trên giấy chốt nợ thể hiện bà M sang cửa hàng nhôm cho bà N, nhưng sau đó bà M lại ký tên trên hợp đồng mua bán với tư cách là người đại diện theo pháp luật của công ty Đ với công ty C do bà N là người đại diện theo pháp luật mục đích là để bà N thanh toán khoản tiền nợ đã chốt theo giấy chốt nợ ngày 15/12/2014. Thực chất việc thanh toán 419.362.091 đồng cho hợp đồng này là thanh toán tiền cá nhân giữa bà N với bà M.

Sau khi cấn trừ số tiền 419.362.091 đồng, bà N còn nợ bà M số tiền 26.637.909 đồng. Số tiền này bà N đã thanh toán hết cho bà M, tuy nhiên hai bên không lập văn bản giao nhận tiền.

Ngoài các chứng cứ trên thì bà N không còn chứng cứ nào khác thể hiện việc thanh toán số tiền tiền 446.000.000 đồng.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đ, ông Dương Khánh L trình bày:

Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đ không thành lập cửa hàng kinh doanh Đ. Việc thanh toán số tiền 419.362.091 đồng thông qua hợp đồng mua bán số 01/2015/HĐ ngày 11/02/2015 giữa Công ty TNHH Xây dựng TM XNK C và Công ty TNHH Xây Dựng Thương mại Đ là việc thực hiện giao dịch kinh doanh giữa hai công ty với nhau, không liên quan đến việc thanh toán số tiền nợ 446.000.000đồng giữa bà N và bà M.

Tại phiên tòa:

Ông Dương Khánh L đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Dương Thị Tuyết M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà N trả lại cho bà M số tiền 446.000.000 đồng. Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Trình là đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên ý kiến của mình xác định bà N có ký giấy nhận nợ và nợ số tiền 446.000.000 đồng của bà M, đây là tiền nợ của cá nhân bà N. Tuy nhiên bà N đã thanh toán hết số tiền trên cho bà M, nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu của bà M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đ giữ nguyên như trình bày trước đây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên tòa án đã vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần rút kinh nghiệm. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Qua trình bày của các bên đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định bà N còn nợ bà M số tiền 446.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N trú tại phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, trả nợ nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức theo qui định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn khởi kiện của bà M phù hợp qui định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà M khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán số tiền 446.000.000đồng trong đó nợ vay là 203.000.000đồng và tiền nợ còn lại của việc sang nhượng cửa hàng Đ mà hai bên chốt công nợ ngày 15/12/2014 là 243.000.000đồng vì vậy quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản".

[2] Về nội dung:

Theo Giấy chốt nợ ngày 15/12/2014 thì bà Nguyễn Thị Bích N xác định bà còn nợ bà M số tiền 446.000.000đồng trong đó nợ vay là 203.000.000đồng

và tiền nợ còn lại của việc sang nhượng cửa hàng mà hai bên chốt lại là 243.207.000đồng, nhưng thống nhất làm tròn còn 243.000.000đồng.

Theo nội dung Công văn số 11/KT ngày 15/01/2018 của Phòng Kinh tế Ủy ban nhân dân quận Tân Bình thì không có thông tin đăng ký kinh doanh của của hàng Đ tại địa chỉ 670 Trường Chinh, Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng cửa hàng Đ thuộc sở hữu của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đ, Hội đồng xét xử xét, căn cứ vào Văn bản số 3126/ĐKKD-THKT ngày 29/5/2018 về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp thì từ khi thành lập cho đến nay, Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đ chưa đăng ký thành lập doanh nghiệp trực thuộc (Chi nhánh, địa điểm kinh doanh, văn phòng đại diện). Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đ cũng xác định Công ty không thành lập Cửa hàng Đ, ngoài ra bị đơn không có chứng cứ nào khác chứng minh việc thành lập cửa hàng. Vì vậy không có cơ sở xác định cửa hàng Đ thuộc sở hữu của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đ.

Tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Trình thừa nhận bà N có nợ bà M số tiền 446.000.000đồng theo giấy chốt nợ ngày 15/12/2014, như vậy có cơ sở xác định bà N có nợ bà M số tiền 446.000.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng, bà N đã hoàn trả số tiền 419.362.091 đồng theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/2015/HĐ ngày 11/02/2015 giữa Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Xuất nhập khẩu C và Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đ, Hội đồng xét xử xét, theo nội dung hợp đồng mua bán hàng hóa mà bị đơn cung cấp thì Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đ nhận cung cấp cho Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Xuất nhập khẩu C nhôm thanh và nhôm thanh #100 trị giá là 400.000.000đồng. Hợp đồng thể hiện việc mua bán hàng hóa chứ không thể hiện việc bà N trả tiền cho bà M. Hai hóa đơn giá trị gia tăng số 0000008 ngày 11/02/2015 và hóa đơn 0000009 ngày 12/02/2015 đều thể hiện việc Công ty C thanh toán cho Công ty Đ số tiền 400.000.000đồng cho việc mua bán Nhôm giữa 02 Công ty. Tại giấy báo có chuyển tiền trong hệ thống EAB ngày 11/02/2015 số chứng từ 20000208 thể hiện Công ty C chuyển cho Công ty Đ số tiền 200.000.000đồng theo hóa đơn số 8-11/02/2015, tại giấy báo có chuyển tiền trong hệ thống EAB ngày 11/02/2015 số chứng từ 20000234 thể hiện Công ty C chuyển cho Công ty Đ số tiền 200.000.000đồng theo hóa đơn số 8 ngày 11/02/2015. Ngoài ra bị đơn không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh bà N đã thanh toán số tiền trên

cho bà M, như vậy lời trình bày của bị đơn không có cơ sở chấp nhận và không cần thiết đưa Công ty cho Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Xuất nhập khẩu C tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về số tiền còn lại 26.637.909 đồng, ông Trình cho rằng bà N đã thanh toán hết cho bà M, tuy nhiên hai bên không lập văn bản giao nhận, phía nguyên đơn không thừa nhận nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến trình bày của bị đơn.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khẳng định bà M chỉ yêu cầu bà N trả nợ. Bị đơn thừa nhận khoản tiền nợ 446.000.000đồng mà bà N đã ký nhận nợ của bà M là nợ cá nhân của bà không liên quan đến người khác.

Từ những phân tích ở trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị Tuyết M buộc bà Nguyễn Thị Bích N trả cho bà số tiền 446.000.000 đồng, thanh toán ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm bà N phải nộp trên số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 290, Điều 474, Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Dương Thị Tuyết M.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích N phải trả cho bà Dương Thị Tuyết M số tiền 446.000.000 (bốn trăm bốn mươi sáu triệu) đồng trong đó nợ vay là 203.000.000đồng và tiền nợ còn lại của việc sang nhượng cửa hàng Đ mà hai bên chốt lại là 243.000.000đồng. Thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo qui định tại các điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bích N phải nộp 21.840.000 (hai mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi ngàn) đồng.

Hoàn trả cho bà Dương Thị Tuyết M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.280.000đồng (mười một triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng) đồng theo Biên lai thu số 0013956 ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thanh